Phụ lục 9.12

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm	Quyết định giao lập quy hoạch	Quyết định phê duyệt dự toán		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV năm 2025	Dự án hoàn thành 2025	Đơn vị được giao nhiệm vụ lập quy hoạch
					Số, ngày tháng	Tổng giá trị dự toán				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
	Tổng số							**30.000**		
I	**Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết**	**1**				**130.570**	**128.982**	**12.000**	**1**	
a	***Dự án chuyển tiếp***	***1***				***130.570***	***128.982***	***12.000***	***1***	
1	Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1	Hà Nội	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	4075/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	130.570	128.982	12.000	1	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội
II	**Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết**							**18.000**		

Phụ lục số 9.13

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN GHI THU, GHI CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN BT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án BT	Số DA	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Giá trị HĐ, PLHĐ BT	Giá trị HĐ, đề nghị thẩm tra hoặc Giá trị phê duyệt QT	Dự án đối ứng		Tổng luỹ kế GTGC hết 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
							Nghĩa vụ tài chính tương ứng các lần giao đất	Số tiền sử dụng đất đã nộp ngân sách (chênh lệch)			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	TỔNG SỐ (=A+B)	**2**			**11.067.027**	**11.067.027**	**8.401.936**			**2.567.000**	
1	Xây dựng đường Vành đai 2: Đoạn Vĩnh Tuy Ngã Tư Sở (ghép với đoạn dưới thấp Vĩnh Tuy - Chợ Mơ- Ngã Tư Vọng)	1	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Quý 2/2016-quý I/2023	9.997.873	9.997.873	7.600.198			2.300.000	
2	Xây dựng tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thượng Thanh	1	CTCP Khai Sơn	Quý 2/2016-Quý IV/2026)	1.069.154	1.069.154	801.738			267.000	

Phụ lục 9.14

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Số DA	Nhóm DA		Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2025	Đơn vị nhận hỗ trợ	Ghi chú
			B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Trong đó:				
										Chi phí xây dựng	Chi phí dự phòng			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	TỔNG	**1**	**1**						**110.000**	**90.008**	**8.793**	**300.000**		
I	**Phân bổ chi tiết KHV cho các dự án đã có quyết định đầu tư**	**1**	**1**						**110.000**	**90.008**	**8.793**	**90.000**		
1	Bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (giai đoạn 2)	1	1		Huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	2024-2027	Bảo tồn, tôn tạo khu vực Cồn Bửng, Vàm Khâu Băng với tổng diện tích sử dụng đất là 104.245m2.	2785/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Bến Tre	110.000	90.008	8.793	90.000	UBND tỉnh Bến Tre	Hỗ trợ chi phí xây dựng không vượt quá 100 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư dự án.
II	**Chưa phân bổ chi tiết**											**210.000**		

Phụ lục 10

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ NGÂN SÁCH QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN NĂM 2025-2026

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Các quận hỗ trợ	Kinh phí các quận đề xuất hỗ trợ năm 2025	Nguồn vốn hỗ trợ	Huyện nhận hỗ trợ	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư	NS quận hỗ trợ huyện năm 2025-2026		Ghi chú
								Số DA	Kinh phí	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
	Tổng số	**54.800**					**54.915**	**4**	**54.800**	
	Lĩnh vực giáo dục	*20.000*					*20.000*	*2*	*20.000*	
	Lĩnh vực y tế	*11.300*					*11.300*	*1*	*11.300*	
	Lĩnh vực văn hoá	*23.500*					*23.615*	*1*	*23.500*	
1	**UBND quận Hoàn Kiếm** (2286/UBND-TCKH 22/11/2024)	10.000	Nguồn vốn tăng thu ngân sách quận (7446/STC-NSCHX ngày 28/11/2024)	**Huyện Thạch Thất**	Xây dựng nhà đa năng, cải tạo phòng học và các hạng mục phụ trợ THCS Hạ Bằng	5280/QĐ-UBND 11/11/2024	10.000	1	10.000	
		10.000			Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Lại Thượng	5380/QĐ-UBND 21/11/2024	10.000	1	10.000	
		11.300		**Huyện Ứng Hòa**	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Kim Đường	1125/QĐ-UBND 14/10/2022 7900/QĐ-UBND 19/11/2024	11.300	1	11.300	
		23.500		**Huyện Phú Xuyên**	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Chuyên Mỹ	1182/QĐ-UBND 14/4/2023; 5315/QĐ-UBND 26/11/2024	23.615	1	23.500	

Phụ lục 11

CẬP NHẬT PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024						Ghi chú
		Kế hoạch vốn giao đầu năm	Kế hoạch vốn đến tháng 10/2024	Cập nhật phương án điều hòa cơ cấu nguồn vốn			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
				Tổng	Tăng	Giảm		
1	2	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	**81.033.180**	**81.033.180**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**77.003.180**	
A	**NGUỒN VỐN**							
A1	**TỔNG NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**81.033.180**	**81.033.180**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**77.003.180**	
	Vốn cân đối ngân sách địa phương	**71.581.950**	**71.581.950**				**71.581.950**	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	27.475.650	27.475.650				27.475.650	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	36.100.000	36.100.000				36.100.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	330.000	330.000				330.000	
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	7.676.300	7.676.300				7.676.300	
	Vốn ngân sách Trung ương	**9.451.230**	**9.451.230**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**5.421.230**	
1	Dự án Vành đai 4 và các dự án liên kết vùng	7.106.340	7.106.340	-4.030.000		-4.030.000	3.076.340	
2	Vốn nước ngoài	2.344.890	2.344.890				2.344.890	
A2	**PHƯƠNG ÁN NGUỒN KẾ HOẠCH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**81.033.180**	**81.033.180**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**77.003.180**	
1	Từ nguồn Trung ương giao	81.033.180	81.033.180	-4.030.000		-4.030.000	77.003.180	
A3	**CƠ CẤU NGUỒN VỐN PHÂN BỔ**	**81.033.180**	**81.033.180**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**77.003.180**	
I	**NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ**	**47.410.471**	**46.961.471**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**42.931.471**	
1	**Đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) trong nước**	**43.514.881**	**43.065.881**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**39.035.881**	
1.1	Từ nguồn XDCB tập trung	18.932.881	18.483.881				18.483.881	
1.2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	10.645.660	10.645.660				10.645.660	
1.3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	330.000	330.000				330.000	
1.4	Nguồn cải cách tiền lương	6.500.000	6.500.000				6.500.000	
1.5	Từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước)	7.106.340	7.106.340	-4.030.000		-4.030.000	3.076.340	
1.6	Từ nguồn thường vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSTP; đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên của NSTW							
2	**Đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) nguồn nước ngoài**	**3.895.590**	**3.895.590**				**3.895.590**	
2.1	Nguồn ODA cấp phát	2.344.890	2.344.890				2.344.890	
2.2	Nguồn ODA vay lại	1.550.700	1.550.700				1.550.700	
II	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**33.101.709**	**33.101.709**				33.101.709	
III	**VỐN ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN**	**521.000**	**970.000**				970.000	
B	**PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH VỐN**	**81.033.180**	**81.033.180**	**-4.030.000**	**244.746**	**-4.274.746**	**77.003.180**	
B.1	**BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ**	**47.410.471**	**46.961.471**	**-4.030.000**	**244.746**	**-4.274.746**	**42.931.471**	
I	**Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác**	**11.869.338**	**7.281.905**				**7.281.905**	
1	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	500.000	500.000				500.000	
2	Bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	200.000	188.000				188.000	
3	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư	300.000	300.000				300.000	
4	Bố trí vốn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán	200.000	200.000				200.000	
5	Bố trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	8.679.338	4.062.811				4.062.811	
6	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành	500.000	300.000				300.000	
7	Bổ sung vốn cho các quỹ và uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội	1.340.000	1.540.000				1.540.000	
8	Hỗ trợ địa phương bạn	150.000	191.094				191.094	
II	**Vốn phân bổ thực hiện dự án đầu tư công**	**25.495.935**	**27.168.200**	**-4.030.000**		**-4.030.000**	**23.138.200**	
II.1	***Phân bổ dự án XDCB tập trung cấp Thành phố***	***25.425.935***	***27.037.949***	***-4.030.000***		***-4.030.000***	***23.007.949***	
II.2	***Bố trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù***	***70.000***	***130.251***				***130.251***	
III	***Hỗ trợ mục tiêu cho các huyện, thị xã***	***10.045.198***	***12.511.366***		***244.746***	***-244.746***	***12.511.366***	
III.1	***Vốn bố trí thực hiện dự án thuộc CTMT quốc gia***	***2.236.280***	***2.799.600***		***72.000***	***-72.000***	***2.799.600***	
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới	1.600.000	2.122.200		50.000	-50.000	2.122.200	
2	CTMT quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	636.280	677.400		22.000	-22.000	677.400	
III.2	***Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện***	***7.808.918***	***9.711.766***		***172.746***	***-172.746***	***9.711.766***	
1	Hỗ trợ trường THPT theo phân cấp	714.749	1.346.611	***32.500***	49.000	-16.500	1.379.111	
2	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn (mầm non, tiểu học, THCS).	3.510.255	3.981.277	***-2.000***	70.851	-72.851	3.979.277	
3	Hỗ trợ xây dựng nâng cấp tuyến y tế cơ sở.	243.240	255.462				255.462	
4	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích.	2.392.144	2.985.677	***-30.500***	52.895	-83.395	2.955.177	
5	Các dự án xử lý nước thải làng nghề; hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố; các dự án hạ tầng kinh tế; nhà văn hoá thôn.	762.125	624.906				624.906	
6	Hỗ trợ xây dựng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	186.405	517.833				517.833	
B.2	**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN**	**33.101.709**	**33.101.709**				**33.101.709**	
B.3	**CHI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN**	**521.000**	**970.000**				**970.000**	

Phụ lục 11.1

CẬP NHẬT, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 NGUỒN VỐN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ LINH HOẠT BỐ TRÍ CHO CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	TỔNG SỐ	**60**			**120.064.632**	**209.384,594**	**11.369,175**	**33.533,187**	**164.482,232**	**164.482,232**	
I	**Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề**	**3**			**1.272.107**	**2.260,000**			**2.260,000**	**2.260,000**	
1	Xây dựng trường chuyên biệt cho trẻ khuyết tật thành phố Hà Nội (cụm trường Tiểu học Bình Minh và Phổ thông cơ sở Xã Đàn)	1	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	394.838	1.500,000			1.500,000	1.500,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Xây dựng trường đại học Thủ đô Hà Nội	1		37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 918/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	798.000	360,000			360,000	360,000	Sở Xây dựng
3	Đầu tư giai đoạn 2 trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội	1	2024-2026	17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	79.269	400,000			400,000	400,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
II	**Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình**	**4**			**1.759.704**	**4.618,000**		**438,000**	**4.180,000**	**4.180,000**	
1	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	1	2024-2026	28/NQ-HĐND ngày 12/9/2023	204.315	800,000			800,000	800,000	UBND huyện Phúc Thọ
2	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	1	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	644.826	700,000			700,000	700,000	UBND huyện Gia Lâm
3	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1	2022-2026	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	780.123	2.938,000		438,000	2.500,000	2.500,000	UBND huyện Thạch Thất

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
4	Nâng cấp, cải tạo khối nhà hiện trạng và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	1	2024-2027	29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024	130.440	180,000			180,000	180,000	UBND huyện Ba Vì
III	**Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)**	**3**			**84.702**	**1.284,000**			**1.284,000**	**1.284,000**	
1	Tu bổ, tôn tại di tích cách mạng Tân Yên, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn	1	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	9.642	272,000			272,000	272,000	UBND huyện Sóc Sơn
2	Tu bổ, tôn tại di tích cách mạng Xuân Kỳ, xã Đồng Xuân, huyện Sóc Sơn	1	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	4.194	162,000			162,000	162,000	UBND huyện Sóc Sơn
4	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng kháng chiến Trung Giã, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn	1	2024-2027	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	70.866	850,000			850,000	850,000	UBND huyện Sóc Sơn
IV	**Lĩnh vực thể dục, thể thao**	**3**			**171.040**	**400,000**			**400,000**	**400,000**	
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà điều hành thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	2024-2026	17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	49.683	150			150	150,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà Y tế Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	2024-2026	17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	58.125	150			150	150,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
3	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập luyện và thi đấu bắn súng Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	2024-2026	17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	63.232	100			100	100,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
V	**Lĩnh vực bảo vệ môi trường**	**3**			**2.244.408**	**5.263,628**		**963,966**	**4.299,662**	**4.299,662**	
1	Dự án Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	1	2022-2025	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	740.000	3.028,966		528,966	2.500,000	2.500,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
2	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	1	2022-2025	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	501.000	1.735,000		435,000	1.300,000	1.300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
3	Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Gia Thượng, hồ điều hòa và tuyến mương Thượng Thanh, quận Long	1	2024-2027	3638/QĐ-UBND ngày 04/10/2022; 10/NQ-HĐND	1.003.408	199,662			199,662	199,662	Sở Xây dựng
						300,000			300,000	300,000	UBND quận Long Biên
VI	**Lĩnh vực các hoạt động kinh tế**	**32**			**112.594.254**	**184.227,966**	**11.369,175**	**32.131,221**	**140.727,570**	**140.727,570**	
VI.1	**Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**	**6**			**6.515.172**	**16.600,000**			**16.600,000**	**16.600,000**	
VI.1.1	**Lĩnh vực đê điều**	**2**			**982.588**	**5.400,000**			**5.400,000**	**5.400,000**	
1	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê các tuyến sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cầu, sông Cà Lồ, thành phố Hà Nội	1	2023-2025	6907/QĐ-UBND ngày 02/12/2019; 5571/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	52.588	400,000			400,000	400,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Xây dựng đường hành lang chân đê tả sông Hồng thuộc địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	2025-2028	14/NQ-HĐND 04/7/2023	930.000	5.000,000			5.000,000	5.000,000	UBND huyện Mê Linh
VI.1.2	**Lĩnh vực thủy lợi**	**3**			**5.282.584**	**8.200,000**			**8.200,000**	**8.200,000**	
1	Dự án Thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm *(thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1))*	1	2025-2030	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	885.505	1.000,000			1.000,000	1.000,000	UBND quận Bắc Từ Liêm

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
2	Dự án thành phần 2: Xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội *(thuộc Dự án trọng điểm: Xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giai đoạn 1)*	1	2025-2030	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	3.947.079	7.000,000			7.000,000	7.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
3	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì	1	2024-2027	14/NQ-HĐND 04/7/2023	450.000	200,000			200,000	200,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
VI.1.3	**Lĩnh vực nông nghiệp**	**1**			**250.000**	**3.000,000**			**3.000,000**	**3.000,000**	
1	Đầu tư phát triển hạ tầng lâm nghiệp phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa ban thành phố Hà Nội	1	2023-2027	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	250.000	3.000,000			3.000,000	3.000,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VI.2	**Lĩnh vực giao thông**	**21**			**97.375.946**	**146.494,396**	**11.369,175**	**31.315,221**	**103.810,000**	**103.810,000**	
1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Đông Anh *(thuộc Dự án xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu)*	1	2023-2027	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	522.393	400,000			400,000	400,000	UBND huyện Đông Anh
2	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm *(thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu)*	1	2023-2027	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	404.338	1.000,000			1.000,000	1.000,000	UBND quận Bắc Từ Liêm

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
3	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu *(thuộc Dự án xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu)*	1	2023-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	7.371.386	17.700,000			17.700,000	17.700,000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
4	Dự án xây dựng đường vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32	1	2023-2026	2670/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023	1.495.000	2.434,830		434,830	2.000,000	2.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
5	**Công trình trọng điểm 2021-2025:** Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng hệ thống đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư *(thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội)*	1	2022-2027	2447/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; 6479/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	56.536.000	76.869,175	11.369,175	25.500,000	40.000,000	40.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
6	Dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 55+200 - Km 62+500), huyện Ba Vì *(thuộc dự án cải tạo, nâng cấp tuyến QL32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà)*	1	2021-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	1.273.811	3.000,000			3.000,000	3.000,000	UBND huyện Ba Vì
7	Dự án mở rộng quốc lộ 3 theo quy hoạch (đoạn từ nút giao đường 18 đến ngã ba đường vào đền Sóc), huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	2024-2027	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	1.482.131	2.000,000			2.000,000	2.000,000	UBND huyện Sóc Sơn
8	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Thanh Trì, *(thuộc Dự án xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ)*	1	2023-2027	14/NQ-HĐND 04/7/2023	8.556.465	4.700,000			4.700,000	4.700,000	UBND huyện Thanh Trì

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
9	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ *(thuộc Dự án xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ)*	1	2023-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	5.601.544	6.755,360		755,360	6.000,000	6.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
10	Xây dựng đường tỉnh lộ 412B từ đường dẫn cầu Văn Lang đến đường Quốc lộ 32 - nghĩa trang Yên Kỳ - hồ suối Hai	1	2024-2027	14/NQ-HĐND 04/7/2023	951.915	2.570,000		570,000	2.000,000	2.000,000	UBND huyện Ba Vì
11	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê Hữu Đuống qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến kênh Dài, huyện Gia Lâm	1	2023-2026	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	219.830	400,000			400,000	400,000	UBND huyện Gia Lâm
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm	1	2023-2026	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	506.686	700,000			700,000	700,000	UBND huyện Gia Lâm
13	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc - Nam đoạn qua huyện Thạch Thất (giai đoạn 1 từ Km14+200 đến Km18+500)	1	2022-2025	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	715.418	2.500,000			2.500,000	2.500,000	UBND huyện Thạch Thất
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Đồng Quang đi khu di tích đền Hạ huyện Ba Vì	1	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	310.251	1.500,000			1.500,000	1.500,000	UBND huyện Ba Vì
15	Dự án đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	1	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	3.443.976	13.090,386		3.790,386	9.300,000	9.300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
16	Dự án xây dựng hầm chui tại nút giao Cổ Linh, quận Long Biên	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	968.000	2.300,000			2.300,000	2.300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
17	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Chương Mỹ *(thuộc Dự án Cải tạo nâng cấp quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai)*	1	2022-2027	1334/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	2.688.524	335,000			335,000	335,000	UBND huyện Chương Mỹ
18	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 21 (tuyến đường tránh Quốc lộ 32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 4/7/2024	536.105	500,000			500,000	500,000	UBND thị xã Sơn Tây
19	Xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường Vành đai 3,5	1	2023-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	811.808	675,000			675,000	675,000	UBND quận Bắc Từ Liêm
20	Dự án thành phần 2: Cải tạo, nâng cấp đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển - nút giao Tứ Hiệp *(thuộc Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển - Nút giao Tứ Hiệp)*	1	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	2.519.963	5.864,645		264,645	5.600,000	5.600,000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
21	Dự án Cầu Lê Thanh vượt sông Đáy qua huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa và đường giao thông hai bên cầu, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	460.402	1.200,000			1.200,000	1.200,000	UBND huyện Mỹ Đức
VI.3	**Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước**	**5**			**8.703.136**	**21.133,570**		**816,000**	**20.317,570**	**20.317,570**	
1	**Công trình trọng điểm 2021-2025:** Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuệ - giai đoạn 1	1	2021-2026	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	1.476.800	3.391,000		391,000	3.000,000	3.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
2	**Công trình trọng điểm 2021-2025:** Dự án xây dựng hệ thống thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	1	2022-2027	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	1.438.151	5.425,000		425,000	5.000,000	5.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
3	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Tây sông Nhuệ	1	2025-2030	3638/QĐ-UBND ngày 04/10/2022; 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	2.949.929	1.108,366			1.108,366	1.108,366	Sở Xây dựng
						4.000,000			4.000,000	4.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
4	Dự án xây dựng hệ thống thu gom nước thải (lưu vực S1) về nhà máy xử lý nước thải Yên Sở	1	2025-2030	3638/QĐ-UBND ngày 04/10/2022; 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	2.598.256	1.009,204			1.009,204	1.009,204	Sở Xây dựng
						6.000,000			6.000,000	6.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
5	Dự án chống úng ngập cục bộ cho các quận nội đô và một số huyện ven đô	1	2024-2025	12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 4760/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	240.000	200,000			200,000	200,000	Sở Xây dựng
VI.4	**Công trình công cộng đô thị**										
VII	**Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**	**3**			**370.652**	**1.291,000**			**1.291,000**	**1.291,000**	
1	Xây dựng Trụ sở làm việc của Sở Du lịch	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	60.000	400,000			400,000	400,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND Thành phố Hà Nội	1	2024-2025	377/QĐ-UBND ngày 19/01/2024; 17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	190.652	184,000			184,000	184,000	Sở Xây dựng
						600,000			600,000	600,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
3	Dự án xây dựng trụ sở Thanh tra thành phố Hà Nội	1	2026-2028	1841/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	120.000	107,000			107,000	107,000	Sở Xây dựng
VIII	**Lĩnh vực xã hội (lao động, thương binh và xã hội)**	**1**			**124.460**	**400,000**			**400,000**	**400,000**	
1	Nâng cấp tổng thể Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội	1	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	124.460	400,000			400,000	400,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
IX	**Lĩnh vực khác (tòa án, viện kiểm sát...)**	**8**			**1.443.305**	**9.640,000**			**9.640,000**	**9.640,000**	
IX.1	**Lĩnh vực HTKT tái định cư**	**8**			**1.443.305**	**9.640,000**			**9.640,000**	**9.640,000**	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	148.483	1.940,000			1.940,000	1.940,000	UBND huyện Quốc Oai
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thị trấn huyện Quốc Oai	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	229.699	2.150,000			2.150,000	2.150,000	UBND huyện Quốc Oai
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 qua địa bàn huyện Đông anh	1	2024-2027	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	361.745	900,000			900,000	900,000	UBND huyện Đông Anh
4	Xây dựng 05 hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300, huyện Thường Tín	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	431.079	2.500,000			2.500,000	2.500,000	UBND huyện Thường Tín
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao – Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức	1	2024-2025	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	29.236	100,000			100,000	100,000	UBND huyện Ứng Hòa

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT
				Số, ngày, tháng	TMĐT	Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp phía Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa và dự án nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam), huyện Ứng Hòa	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	85.957	150,000			150,000	150,000	UBND huyện Ứng Hòa
7	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh phục vụ GPMB dự án Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh	1	2023-2024	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	12.124	400,000			400,000	400,000	UBND huyện Đông Anh
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh phục vụ GPMB dự án xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vinh đến đường 36m KCN Quang Minh, huyện Mê Linh	1	2024-2025	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	144.982	1.500,000			1.500,000	1.500,000	UBND huyện Mê Linh

Phụ lục 11.2

CẬP NHẬT, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 NGUỒN VỐN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ LINH HOẠT ĐỂ TRẢ CHO CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMĐT		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	TỔNG SỐ	**13**			**19.333.775**	**338.904,291915**	
I	**Lĩnh vực giao thông**	**12**			**9.639.919**	**336.578,000000**	
1	Dự án xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng	1	2021-2025	6163/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 6423/QĐ-UBND ngày 11/12/2023; 6780/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	370.315	7.400,000000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang	1	2009-2022	4563/QĐ-UBND ngày 20/7/2004; 5789/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 5245/QĐ-UBND ngày 02/10/2018; 7357/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; 5307/QĐ-UBND ngày 27/11/2020; 5293/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	297.780	523,000000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và Nông nghiệp Thành phố
3	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ Nguyễn Trãi (Quốc lộ 6) đến Đầm Hồng	1	2022-2026	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 5908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.432.640	200.000,000000	UBND quận Thanh Xuân
4	Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long *(Phần GPMB do UBND quận Bắc Từ Liêm làm chủ đầu tư)*	1	2016-2022	03/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND ngày 15/6/2016; 7240/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; 675/QĐ-BQLCTGT ngày 02/11/2017; 892/QĐ-UBND ngày 22/02/2019; 539/QĐ-BQLCTGT ngày 17/12/2021; 5170/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	1.861.157	9.351,000000	UBND quận Bắc Từ Liêm
5	Xây dựng khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm	1	2021-2024	25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019; 3796/QĐ-UBND ngày 03/8/2021; 1706/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	87.724	12.200,000000	UBND quận Bắc Từ Liêm
6	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 429 (đoạn qua các xã Phượng Dực, Hồng Minh, Phú Túc)	1	2023-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 3463/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	350.995	30.000,000000	UBND huyện Phú Xuyên

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMĐT		
7	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lừ	1	2018-2024	1966/QĐ-UBND ngày 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND ngày 09/8/2018; 1887/QĐ-UBND ngày 26/4/2021; 1328/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	225.792	20.600,000000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
8	Dự án xây dựng cầu Tri Thủy, huyện Chương Mỹ	1	2019-2024	6082/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 710/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	27.536	165,000000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
9	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng), huyện Phú Xuyên	1	2019-2025	275/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	316.430	25.000,000000	UBND huyện Phú Xuyên
10	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Chương Mỹ (thuộc Dự án Cải tạo nâng cấp quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai)	1	2022-2027	1334/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	2.688.524	14.665,000000	UBND huyện Chương Mỹ
11	Dự án xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	2007-2021	417/QĐ-UBND ngày 29/01/2007; 528/QĐ-UBND ngày 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND ngày 23/10/2018; 4356/QĐ-UBND ngày 16/8/2019; 3437/QĐ-UBND ngày 05/8/2020	777.430	1.674,000000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
12	Dự án hoàn thiện và khớp nối HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	1	2020-2025	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; 6588/QĐ-UBND ngày 13/11/2019	203.596	15.000,000000	UBND quận Ba Đình
III	**Lĩnh vực bảo vệ môi trường**	**1**			**9.693.856**	**2.326,291015**	
1	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II	1	2005-2014	4315/QĐ-UBND ngày 28/9/2006; 2304/QĐ-UBND ngày12/6/2008; 2940/QĐ-UBND ngày28/6/2012; 3947/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	9.693.856	2.326,291015	
-	Phần chi phí đền bù GPMB do BQLDA làm chủ đầu tư					310,749067	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và Nông nghiệp Thành phố
-	Phần chi phí đền bù GPMB do UBND quận Tây Hồ làm chủ đầu tư					896,314948	UBND quận Tây Hồ
-	Phần chi phí đền bù GPMB do UBND huyện Thanh Trì làm chủ đầu tư					51,187000	UBND huyện Thanh Trì
-	Phần chi phí đền bù GPMB do UBND quận Thanh Xuân làm chủ đầu tư					1.068,040000	UBND quận Thanh Xuân

Phụ lục 11.3

CẬP NHẬT, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 NGUỒN VỐN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ LINH HOẠT BỐ TRÍ CHO NHIỆM VỤ LẬP THIẾT KẾ KỸ THUẬT, THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG, LẬP DỰ TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMĐT		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	TỔNG SỐ	**35**			**12.837.826**	**72.421**	
I	**Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề**	**1**			**46.722**	**400**	
1	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Việt Triều hữu nghị	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	46.722	400	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
II	**Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình**	**5**			**2.529.487**	**17.400**	
1	**Công trình trọng điểm 2021-2025:** Xây dựng bệnh viện Tim Hà Nội cơ sở 2	1	2022-2025	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 5977/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	789.406	7.500	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 2739/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	76.803	600	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
3	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1	2022-2026	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 4385/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	780.123	7.800	UBND huyện Thạch Thất
4	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa Vân Đình, huyện Ứng Hòa	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 2875/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	134.617	1.000	UBND huyện Ứng Hòa
5	**Công trình trọng điểm 2021-2025:** Đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Thận Hà Nội tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	28/NQHĐND ngày 22/9/2023; 5265/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	748.538	500	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
III	**Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)**	**7**			**448.511**	**6.861**	
1	Bảo tồn, phục dựng, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm An toàn khu xứ ủy Bắc Kỳ năm 1942 (Chùa Chòng), xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 5786/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	55.217	800	UBND huyện Ứng Hòa
2	Tu bổ, tôn tạo di tích 5D Hàm Long	1	2023-2025	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 868/QĐ-SXD ngày 27/11/2023	14.688	200	Ban Quản lý di tích danh thắng Thành phố
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lưu niệm 48 Hàng Ngang	1	2023-2025	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 869/QĐ-SXD ngày 27/11/2023	14.882	331	Ban Quản lý di tích danh thắng Thành phố
4	Tuyến đường tránh TL419 đi đền Trình và xây dựng cảnh quan, tuyến phố đi bộ tại bến Yến khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 1646/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	220.000	2.000	UBND huyện Mỹ Đức
5	Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và am Mỵ Châu tại khu di tích Thành Cổ Loa	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 1728/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	61.281	1.780	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMĐT		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Hỏa Lò	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 386/QĐ-SXD ngày 24/6/2024	24.436	250	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
7	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương tại Khu di tích Thành Cổ Loa	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	58.007	1.500	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long
IV	**Lĩnh vực thể dục, thể thao**	**2**			**286.325**	**4.000**	
1	Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập Taekwondo - boxing - Cầu lông - Bóng chuyền	1	2023-2025	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 6358/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	150.944	2.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập vật - Cầu mây - Bóng ném - Bóng bàn	1	2023-2025	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 6359/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	135.381	2.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
IV	**Lĩnh vực các hoạt động kinh tế**	**17**			**9.372.847**	**42.560**	
IV.1	**Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**	**8**			**1.593.946**	**14.360**	
IV.1.1	**Lĩnh vực đê điều**	**1**			**250.219**	**2.000**	
1	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn từ K0+00 đến K20+252, huyện Sóc Sơn	1	2024-2027	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1422/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	250.219	2.000	UBND huyện Sóc Sơn
IV.1.2	**Lĩnh vực thủy lợi**	**7**			**1.343.727**	**12.360**	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thạnh Phú kết hợp làm đường giao thông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	2022-2025	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1488/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	368.000	5.000	UBND huyện Mê Linh
2	Cải tạo, nâng cấp kiên cố kênh hệ thống I2-VĐ7, kênh I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng hòa	1	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 1461/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	230.000	2.000	UBND huyện Ứng Hòa
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Tây Ninh - Ngòi Núc huyện Thạch Thất	1	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 3729/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	173.993	1.140	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
4	Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim, huyện Thạch Thất	1	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 4221/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	97.000	550	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
5	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nậu huyện Thạch Thất	1	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 4312/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	84.099	470	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm Mạnh Tân, huyện Đông Anh	1	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 4228/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	313.000	1.700	UBND huyện Đông Anh
7	Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mộ trên địa bàn huyện Thường Tín	1	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 6/7/2022; 627/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	77.635	1.500	UBND huyện Thường Tín
IV.2	**Lĩnh vực giao thông**	**9**			**7.778.901**	**28.200**	
1	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ Nguyễn Trãi (Quốc lộ 6) đến Đầm Hồng	1	2022-2026	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 5908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.569.927	4.000	UBND quận Thanh Xuân

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMĐT		
2	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá, xã Viên An, huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	1	2021-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 1381/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	225.000	1.200	UBND huyện Ứng Hòa
3	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	1	2021-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 1362/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	593.096	3.000	UBND huyện Ứng Hòa
4	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ Quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	1	2021-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 2953/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	400.058	2.000	UBND huyện Ứng Hòa
5	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa	1	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 3190/QĐ-UBND ngày 21/06/2024	844.985	2.000	UBND huyện Ứng Hòa
6	Dự án Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (đoạn từ nút giao đường 18 đến ngã ba đường vào đền Sóc)	1	2024-2027	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 3520/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	1.482.131	5.000	UBND huyện Sóc Sơn
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 424 đoạn Đỗ Xá - Quan Sơn (ngã 5 Tế Tiêu) đến cầu đạp trần Cầu Dậm, huyện Mỹ Đức	1	2024-2026	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; 4223/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	293.839	2.000	UBND huyện Mỹ Đức
8	Cải tạo, nâng cấp đường từ tỉnh lộ 414 đi vườn quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì	1	2024-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 2645/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	346.285	3.000	UBND huyện Ba Vì
9	Dự án thành phần 2: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 47+500 - Km 53+500), huyện Ba Vì *(thuộc dự án cải tạo, nâng cấp tuyến QL32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà)*	1	2024-2027	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 3375/QĐ-UBND ngày 29/6/2024	1.023.580	6.000	UBND huyện Ba Vì
V	**Lĩnh vực xã hội**	**3**			**153.934**	**1.200**	
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội	1	2023-2025	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 3107/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	47.213	400	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn;	1	2023-2025	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 2992/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	53.085	400	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội	1	2023-2025	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 4532/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	53.636	400	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố

Phụ lục 11.4

CẬP NHẬT, PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	TỔNG SỐ	**119**		**7.798.712.559.620**	**289.662.176.666**	**1.177.191.500**	**116.491.346**	**24.368.493.820**	**264.000.000.000**	**264.000.000.000**	
1	Dự án Xây dựng Khu tái định cư Nam Trung Yên - Phần đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đô thị Hà Nội, giai đoạn I)	1	483/QĐ-STC ngày 24/01/2024	380.822.043.852	8.992.168.982				8.992.168.982	8.992.168.982	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
2	Dự án Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì	1	6646/QĐ-STC ngày 25/10/2024	45.852.508.207	5.579.715.227				5.579.715.227	5.579.715.227	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
3	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an Viên An huyện Ứng Hòa thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	6343/QĐ-STC ngày 10/10/2024	6.255.206.840	382.696.000				382.696.000	382.696.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
4	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	5784/QĐ-STC ngày 20/9/2024	7.192.321.000	1.235.876.000				1.235.876.000	1.235.876.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
5	Cải tạo, nâng cấp, đầu tư hệ thống khí y tế tại các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế Hà Nội	1	5137/QĐ-STC ngày 23/8/2024	39.067.737.816	1.205.658.816				1.205.658.816	1.205.658.816	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
6	xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	5645/QĐ-STC ngày 16/9/2024	16.338.015.000	1.955.087.000				1.955.087.000	1.955.087.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
7	Xây dựng trụ sở Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 14 (Thạch Thất) thuộc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Hà Nội	1	8014/QĐ-STC ngày 29/12/2023	44.831.214.300	1.447.476.000				1.447.476.000	1.447.476.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
8	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	8006/QĐ-STC ngày 29/12/2023	74.684.641.230	330.398.000				330.398.000	330.398.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
9	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai thuộc công an thành phố Hà Nội	1	3034/QĐ-STC ngày 27/5/2024	33.590.727.000	2.196.069.000				2.196.069.000	2.196.069.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
10	Dự án Cải tạo, nâng cấp trường mầm non B, quận Hoàn Kiếm	1	4832/QĐ-STC ngày 12/8/2024	24.271.968.000	2.643.723.000				2.643.723.000	2.643.723.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
11	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế, linh kiện thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư TĐC khu Trung Hòa Nhân Chính, Trung Yên, Hạ Đình, Mễ Trì Hạ (26 vị trí)	1	1779/QĐ-STC ngày 05/4/2024	63.638.064.244	1.177.976.000				1.177.976.000	1.177.976.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
12	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện phòng cháy và chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư TĐC Khu đô thị Nam Trung Yên - Giai đoạn 1	1	1778/QĐ-STC ngày 05/4/2024	26.605.321.000	2.331.605.000				2.331.605.000	2.331.605.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
13	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Hà Đông thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	1950/QĐ-STC ngày 12/4/2024	80.487.816.604	1.692.639.000				1.692.639.000	1.692.639.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
14	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp Trung tâm Điều dưỡng người có công số I Hà Nội	1	2340/QĐ-STC ngày 26/4/2024	26.675.454.000	275.454.000				275.454.000	275.454.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
15	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Phú Xuyên thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2691/QĐ-STC ngày 10/5/2024	78.228.522.000	811.400.900				811.400.900	811.400.900	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
16	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2139/QĐ-STC ngày 19/4/2024	53.320.516.375	2.245.067.341				2.245.067.341	2.245.067.341	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
17	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an Quang Trung, huyện Thạch Thất thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	7849/QĐ-STC ngày 29/12/2023	7.269.841.500	677.280.000				677.280.000	677.280.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
18	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Đan Phượng thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	728/QĐ-STC ngày 07/02/2024	98.059.427.302	5.591.870.437				5.591.870.437	5.591.870.437	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
19	Đầu tư xây dựng mới hệ thống PCCC 05 nhà chung cư tái định cư khu Đền Lừ (nhà A, B, C, E) quận Hoàng Mai và nhà 94B Nguyễn Khánh Toàn quận Cầu Giấy	1	808/STC-TCĐT ngày 19/02/2024	17.370.882.364	561.482.464				561.482.464	561.482.464	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
20	Dự án Nâng cấp Bệnh viện tâm thần Mỹ Đức	1	4803/QĐ-STC ngày 18/8/2023	35.030.384.792	2.242.781.000			2.190.142.000	52.639.000	52.639.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
21	Dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	1	6749/QĐ-STC ngày 14/11/2023	312.124.967.752	11.350.570.600			11.323.172.600	27.398.000	27.398.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
22	Dự án Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư Khu 5.3ha Dịch Vọng, Cầu Diễn, Xuân La, Nam Thăng Long, Đông Quan, Hoàng Cầu, Láng Thượng (25 vị trí)	1	7944/QĐ-STC ngày 29/12/2023	31.904.639.200	2.984.509.000				2.984.509.000	2.984.509.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
23	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1	7127/QĐ-STC ngày 15/11/2024	18.303.178.719	4.038.617.719				4.038.617.719	4.038.617.719	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
24	Dự án nâng cấp Bệnh viện huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	7128/QĐ-STC ngày 15/11/2024	391.299.664.314	17.751.624.314				17.751.624.314	17.751.624.314	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
25	Cải tạo các phòng họp, phòng làm việc, nhà ăn tại trụ sở UBND thành phố Hà Nội	1	7121/QĐ-STC ngày 15/11/2024	77.935.819.297	10.010.585.297				10.010.585.297	10.010.585.297	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
26	Dự án xây dựng lại nhà B Công an thành phố Hà Nội	1	6752/QĐ-STC ngày 30/10/2024	163.080.071.399	9.788.827.199				9.788.827.199	9.788.827.199	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố
27	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	6297/QĐ-STC ngày 09/10/2024	146.341.769.000	9.880.425.623				9.880.425.623	9.880.425.623	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
28	Cải tạo, mở rộng cầu Trung Tự kết hợp chỉnh trang tuyến đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ cầu Trung tự đến nút giao Lương Định Của)	1	5659/QĐ-STC ngày 17/9/2024	635.935.000	185.935.000				185.935.000	185.935.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
29	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Lê Đức Thọ (ngõ 63), quận Nam Từ Liêm	1	3212/QĐ-STC ngày 31/5/2024	3.421.356.000	354.455.000				354.455.000	354.455.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
30	Dự án cầu vượt cho người đi bộ tại trước tòa nhà HH1A, HUD3, CT5-X2 trong khu đô thị Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai	1	3262/QĐ-STC ngày 04/6/2024	3.522.772.000	360.131.000				360.131.000	360.131.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
31	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Hữu Dực (ngõ 6), quận Nam Từ Liêm	1	4426/QĐ-STC ngày 26/7/2024	3.556.429.000	411.410.000				411.410.000	411.410.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
32	Đầu tư xây dựng cầu Ái Mỗ, Km1+690 Quốc lộ 21, thị xã Sơn Tây	1	4758/QĐ-STC ngày 09/8/2024	82.067.386.000	9.754.922.000				9.754.922.000	9.754.922.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
33	Xây dựng cầu Mọc, quận Đống Đa, quận Cầu Giấy, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	1	5532/QĐ-STC ngày 30/9/2022	27.633.393.000	2.872.188.400				2.872.188.400	2.872.188.400	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
34	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 32 (thôn Lai Xá) huyện Hoài Đức	1	1744/QĐ-STC ngày 4/4/2024	4.536.206.000	541.452.000				541.452.000	541.452.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
35	Đầu tư xây dựng công trình cầu Tây Ninh, huyện Phúc Thọ	1	478/QĐ-STC ngày 19/01/2023	7.175.397.626	673.910.000			672.860.200	1.049.800	1.049.800	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
36	Xây dựng cầu Bầu tại Km 13 + 550 trên đường tỉnh 429 (đường tỉnh 73 cũ), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	8162/QĐ-STC ngày 22/12/2021	19.004.781.000	36.005.000				36.005.000	36.005.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
37	Xây dựng đường Ngọc Khánh - Đê Bưởi - Nghĩa Đô (đoạn Hoàng Quốc Việt - Bảo tàng Dân Tộc Học) - (Phần Xây dựng đường)	1	2069/QĐ-STC ngày 17/4/2024	12.319.399.200	572.437.000				572.437.000	572.437.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
38	Đầu tư xây dựng công trình cầu Tri Lễ, huyện Thanh Oai	1	677/QĐ-STC ngày 06/02/2024	10.631.133.000	1.631.133.000				1.631.133.000	1.631.133.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
39	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ	1	8005/QĐ-STC ngày 29/12/2023	11.529.458.000	705.576.000				705.576.000	705.576.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
40	Dự án Xây dựng đường Vành đai I (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	1	6229/QĐ-STC ngày 23/10/2023	1.163.076.306.973	15.166.273.000			9.703.548.026	5.462.724.974	5.462.724.974	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
41	Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Ỷ La, quận Hà Đông	1	6228/QĐ-STC ngày 23/10/2023	14.606.257.000	2.496.514.000				2.496.514.000	2.496.514.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
42	Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Châu Mai, huyện Thanh Oai	1	7085/QĐ-STC ngày 30/11/2023	14.111.778.000	2.076.778.000				2.076.778.000	2.076.778.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
43	Dự án Đầu tư xây dựng Cầu Bài, huyện Ba Vì	1	7307/QĐ-STC ngày 08/12/2023	7.355.820.000	855.820.000				855.820.000	855.820.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
44	Dự án Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Khánh Toàn 2	1	7948/QĐ-STC ngày 29/12/2023	3.399.929.000	202.052.500				202.052.500	202.052.500	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
45	Dự án đầu tư Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Huyên, quận Cầu Giấy	1	7974/QĐ-STC ngày 29/12/2023	3.838.238.000	219.972.200				219.972.200	219.972.200	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
46	Dự án Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 1, quận Long Biên	1	364/QĐ-STC ngày 22/01/2024	4.357.943.000	559.203.000				559.203.000	559.203.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
47	Dự án Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Đào Tấn, quận Ba Đình	1	8018/QĐ-STC ngày 29/12/2023	5.008.242.000	519.343.000				519.343.000	519.343.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
48	Dự án Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 3, quận Long Biên	1	489/QĐ-STC ngày 26/01/2024	4.585.883.000	387.105.000				387.105.000	387.105.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
49	Dự án xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt - đường Nguyễn Văn Huyên và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyên theo quy hoạch (Vành đai 2,5)	1	7025/QĐ-STC ngày 12/11/2024	383.918.887.335	8.260.998.040				8.260.998.040	8.260.998.040	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
50	Cải tạo nút giao đường Chùa Bộc – Phạm Ngọc Thạch	1	7126/QĐ-STC ngày 15/11/2024	35.278.376.000	724.203.000				724.203.000	724.203.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
51	Xây dựng cầu Phú Thứ tại km 6+860 trên đường tỉnh 420, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	1	7125/QĐ-STC ngày 15/11/2024	24.838.109.660	669.946.860				669.946.860	669.946.860	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
52	Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	1	7124/QĐ-STC ngày 15/11/2024	303.485.599.256	29.578.041.647				29.578.041.647	29.578.041.647	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố
53	Dự án nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2107/QĐ-STC ngày 12/4/2021	84.779.719.251	1.177.626.500	1.177.191.500			435.000	435.000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
54	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ I, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	1847/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	68.149.484.441	8.949.484.441				8.949.484.441	8.949.484.441	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố
55	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	1	723/QĐ-STC ngày 06/02/2024	56.867.436.000	809.648.000				809.648.000	809.648.000	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp Thành phố

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
56	Đầu tư mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, cứu sập đổ công trình cho Đại đội PCCC, phòng hóa/ Bộ Tham mưu và Tiểu đoàn 5/Trung đoàn 692/Sư đoàn Bộ binh 301/Bộ Tư lệnh Thủ đô	1	2048/QĐ-STC ngày 17/4/2024	188.328.551.000	482.337.000				482.337.000	482.337.000	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội
57	Nhà khoa dược, nhi và hồi sức cấp cứu Bệnh viện đa khoa khu vực Sơn Tây	1	4009/QĐ-STC ngày 10/7/2023	14.577.534.000	27.534.000				27.534.000	27.534.000	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây
58	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị H2-3, tỷ lệ 1/2000 tại một phần ô quy hoạch ký hiệu D3/HTKT2	1	7875/QĐ-STC ngày 29/12/2023	48.027.000	1.673.000				1.673.000	1.673.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
59	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại một phần ô đất thuộc phân khu ký hiệu B3	1	5911/QĐ-STC ngày 10/10/2023	70.529.500	2.593.000				2.593.000	2.593.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
60	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị S5, tỷ lệ 1/5000 tại ô quy hoạch D1-4	1	7873/QĐ-STC ngày 29/12/2023	72.247.000	2.663.000				2.663.000	2.663.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
61	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Phần Quy hoạch sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới và thao trường huấn luyện Trung đoàn Bộ binh 692 thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô)	1	7874/QĐ-STC ngày 29/12/2023	80.181.400	3.049.000				3.049.000	3.049.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
62	Quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (Khu 1), tỷ lệ 1/2000	1	2338QĐ-STC ngày 26/4/2024	3.238.453.000	999.295.000				999.295.000	999.295.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
63	Quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (Khu 2), tỷ lệ 1/2000	1	2336QĐ-STC ngày 26/4/2024	3.089.178.000	966.924.200				966.924.200	966.924.200	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
64	Quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (Khu 3), tỷ lệ 1/2000	1	2342QĐ-STC ngày 26/4/2024	5.301.529.000	1.582.614.200				1.582.614.200	1.582.614.200	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
65	Quy hoạch phân khu đô thị GN(A), tỷ lệ 1/5000	1	2803/QĐ-STC ngày 15/5/2024	1.669.099.500	166.614.000				166.614.000	166.614.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
66	Quy hoạch phân khu đô thị sông Đuống (R6), tỷ lệ 1/5000 (đoạn từ cầu Bắc Cầu đến cầu Phù Đổng)	1	2805/QĐ-STC ngày 15/5/2024	2.387.283.000	492.827.000				492.827.000	492.827.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
67	Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000	1	4319/QĐ-STC ngày 22/7/2024	6.378.314.150	280.185.000				280.185.000	280.185.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
68	Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000	1	4318/QĐ-STC ngày 22/7/2024	4.153.863.000	1.351.895.000				1.351.895.000	1.351.895.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
69	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô (Khu vực trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại huyện Đông Anh - Hà Nội)	1	844/QĐ-STC ngày 22/02/2024	279.364.000	41.354.000				41.354.000	41.354.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
70	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 (phần quy hoạch sử dụng đất tại khu vực dự án khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ quận Nam Từ Liêm) và định hướng hạ tầng kỹ thuật tại khu đô thị An Khánh D3	1	843/QĐ-STC ngày 22/02/2024	188.030.000	7.177.000				7.177.000	7.177.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
71	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Phần Quy hoạch sử dụng đất tại khu vực dự án Khu đô thị Gia Lâm, huyện Gia Lâm và định hướng hạ tầng kỹ thuật tại khu vực Yên Viên - Long Biên - Gia Lâm (C3, C4)	1	845/QĐ-STC ngày 22/02/2024	203.413.000	7.835.000				7.835.000	7.835.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
72	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị GN và N8, tỷ lệ 1/5000 khu vực cây xanh hồ Phương Trạch và đô thị, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội:	1	7130/QĐ-STC ngày 15/11/2024	502.527.300	36.344.300				36.344.300	36.344.300	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
73	Lập Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể QHC xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (nay là Lập Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065).	1	7131/QĐ-STC ngày 15/11/2024	1.400.403.000	114.961.000				114.961.000	114.961.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
74	Điều chỉnh cục bộ ô Quy hoạch phân khu đô thị S3, tỷ lệ 1/5000 tại ô quy hoạch ký hiệu D-3 (phục vụ dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới cho Trung đoàn bộ binh 692 thuộc sư đoàn bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	7132/QĐ-STC ngày 15/11/2024	98.362.000	68.362.000				68.362.000	68.362.000	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội
75	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu úng trên địa bàn xã Minh Khai và Tây Tựu, huyện Từ Liêm	1	7662/QĐ-STC ngày 25/11/2016	12.553.995.500	29.736.000				29.736.000	29.736.000	Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Hà Nội
76	Xây dựng theo lệnh khẩn cấp danh mục công trình Phục vụ nâng công suất tiếp nhận rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	1	7116/QĐ-STC ngày 15/11/2024	58.727.525.631	727.525.631				727.525.631	727.525.631	Sở Xây dựng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
77	Xây dựng hồ chứa sinh học khẩn cấp phục vụ công tác vận hành tại khu đất xen kẹt 10,5 ha khu phía Bắc giai đoạn II, Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	1	7117/QĐ-STC ngày 15/11/2024	41.623.259.060	228.166.060				228.166.060	228.166.060	Sở Xây dựng
78	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K24+800 đến K26+000 đê hữu Hồng thuộc địa bàn xã Đông Quang và xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	1	5750/QĐ-STC ngày 20/9/2024	73.980.950.000	6.980.950.000				6.980.950.000	6.980.950.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
79	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.	1	1309/QĐ-STC ngày 18/3/2024	43.844.934.000	222.735.000				222.735.000	222.735.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
80	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đuống tương ứng từ K2+700 đến K3+600 thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.	1	7229/QĐ-STC ngày 06/12/2022	41.158.209.000	266.078.000			246.925.000	19.153.000	19.153.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
81	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K52+500 đến K52+800 thuộc địa bàn phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	1	3718/QĐ-STC ngày 28/6/2023	29.203.875.395	136.566.078			116.683.395	19.882.683	19.882.683	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
82	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua khu dân cư xã Hòa Nam, Hòa Phú, huyện Ứng Hòa	1	5458/QĐ-STC ngày 06/9/2024	65.968.097.000	4.968.097.000				4.968.097.000	4.968.097.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
83	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở kè Cầm Đình đoạn tương ứng từ K0+200 đến K1+300 đê Vân Cốc, xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ	1	5448/QĐ-STC ngày 06/9/2024	60.914.990.000	5.914.990.000				5.914.990.000	5.914.990.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
84	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Sơn Tây trên địa bàn phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	8017/QĐ-STC ngày 29/12/2023	57.572.773.000	2.572.773.000				2.572.773.000	2.572.773.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
85	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K0+200 đến K0+300 đê hữu Hồng thuộc địa bàn xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	1	1078/QĐ-STC ngày 05/3/2024	33.267.554.000	3.267.554.000				3.267.554.000	3.267.554.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
86	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	1	1783/QĐ-STC ngày 05/4/2024	24.542.014.000	462.397.000				462.397.000	462.397.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
87	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2044/QĐ-STC ngày 16/4/2024	40.018.370.000	118.011.000				118.011.000	118.011.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
88	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà đoạn tương ứng từ K3+150 đến K3+430 và từ K3+760 đến K4+100 đê hữu Đà thuộc địa bàn xã Sơn Đà, huyện Ba Vì.	1	2808/QĐ-STC ngày 16/5/2024	36.921.666.000	2.921.666.000				2.921.666.000	2.921.666.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
89	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	1395/QĐ-STC ngày 21/3/2024	34.072.042.000	2.073.232.000				2.073.232.000	2.073.232.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
90	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở tương ứng từ K12+540 đến K13+000 đê tả Đuống, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	1	7118/QĐ-STC ngày 15/11/2024	24.439.151.000	159.967.000				159.967.000	159.967.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
91	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Phong Vân đoạn tương ứng từ K2+500 đến K3+300 đê hữu Hồng, trên địa bàn xã Phong Vân, huyện Ba Vì	1	7129/QĐ-STC ngày 15/11/2024	75.623.356.520	390.558.520				390.558.520	390.558.520	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
92	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Yên Phú tương ứng từ K4+200 đến K4+800 đê tả Cà Lồ, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn	1	6868/QĐ-STC ngày 04/11/2024	31.290.653.000	97.085.000				97.085.000	97.085.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
93	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Linh Chiểu đoạn tương ứng từ K31+980 đến K32+215 đê hữu Hồng và Kè Phương Độ đoạn tương ứng từ K34+800 đến K35+500 đê hữu Hồng, huyện Phúc Thọ	1	7119/QĐ-STC ngày 15/11/2024	69.883.959.000	483.959.000				483.959.000	483.959.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
94	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà trên địa bàn thôn Phú Thứ và thôn Khánh Trúc, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì	1	7120/QĐ-STC ngày 15/11/2024	77.943.377.000	1.703.302.000				1.703.302.000	1.703.302.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
95	Xử lý cấp bách sự cố mạch đùn, mạch sủi cống Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ	1	7123/QĐ-STC ngày 15/11/2024	41.718.792.000	3.762.662.000				3.762.662.000	3.762.662.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
96	Dự án xây dựng, mở rộng trường THPT Ngô Quyền, huyện Ba Vì	1	6619/QĐ-STC ngày 25/10/2024	35.605.866.000	1.639.741.000				1.639.741.000	1.639.741.000	UBND huyện Ba Vì
97	Xây dựng, cải tạo mở rộng trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Ba Vì	1	4621/QĐ-STC ngày 05/8/2024	98.068.104.400	725.142.000				725.142.000	725.142.000	UBND huyện Ba Vì
98	Đường tránh quốc lộ 32 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng)	1	3033/QĐ-STC ngày 27/5/2024	135.781.354.967	4.048.901.367				4.048.901.367	4.048.901.367	UBND huyện Ba Vì
99	Xây dựng, cải tạo trường THPT Bất Bạt, huyện Ba Vì	1	4926/QĐ-STC ngày 16/8/2024	38.071.872.900	2.349.638.000				2.349.638.000	2.349.638.000	UBND huyện Ba Vì
100	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Chu Minh huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	3210/QĐ- STC, ngày 31/5/2024	10.019.996.763	503.133.763				503.133.763	503.133.763	UBND huyện Ba Vì

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
101	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Minh Châu huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	3035/QĐ- UBND ngày 27/5/2024	27.955.834.000	1.790.140.000				1.790.140.000	1.790.140.000	UBND huyện Ba Vì
102	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung TT Tây Đằng huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	3036/QĐ- UBND ngày 27/5/2024	20.526.045.000	164.779.000				164.779.000	164.779.000	UBND huyện Ba Vì
103	Cải tạo, nâng cấp Trường Trung học phổ thông Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	1743/QĐ-STC ngày 4/4/2024	43.459.724.000	4.654.724.000				4.654.724.000	4.654.724.000	UBND huyện Mê Linh
104	Xây dựng tuyến đường từ trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến trung tâm văn hóa thể thao huyện huyện Mê Linh (giai đoạn I)	1	2859/QĐ-STC ngày 17/5/2024	214.844.987.432	8.648.426.432				8.648.426.432	8.648.426.432	UBND huyện Mê Linh
105	Xử lý cấp bách khắc sự cố sạt lở đê bao xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2843/QĐ-STC ngày 17/5/2024	10.594.192.000	677.964.000				677.964.000	677.964.000	UBND huyện Chương Mỹ
106	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ	1	6673/QĐ-STC ngày 14/11/2022	17.134.114.919	123.542.000			115.162.599	8.379.401	8.379.401	UBND huyện Chương Mỹ
107	Xây dựng đường từ Bảo tàng dân tộc học đến đường 32	1	6754/QĐ-STC ngày 14/11/2023	564.900.049.885	3.343.906.600				3.343.906.600	3.343.906.600	UBND quận Cầu Giấy
108	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng	1	5193/QĐ-STC ngày 28/8/2024	97.922.519.589	2.948.900.589				2.948.900.589	2.948.900.589	UBND huyện Đan Phượng
109	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 424 (76 cũ) từ Chợ Bến - Hòa Bình đến khu du lịch Quan Sơn (Km200+000 - Km3+800) huyện Mỹ Đức	1	6454/QĐ-STC ngày 16/10/2024	78.621.581.007	844.180.007				844.180.007	844.180.007	UBND huyện Mỹ Đức
110	Xây dựng trạm bơm Cầu Đỏ Chân Chim	1	1543/QĐ-STC ngày 28/3/2024	53.131.226.000	1.142.226.000				1.142.226.000	1.142.226.000	UBND huyện Mỹ Đức
111	Kè chống sạt lở đê hữu Đáy đoạn cầu Phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	7115/QĐ-STC ngày 15/11/2024	6.753.043.000	753.043.000				753.043.000	753.043.000	UBND huyện Mỹ Đức
112	Dự án: Cứng hóa mặt kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Vân đến Kiều Thụy, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	5853/QĐ-STC ngày 06/10/2023	44.089.994.000	149.299.000				149.299.000	149.299.000	UBND huyện Thường Tín

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch trung hạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
			Số, ngày, tháng	Tổng giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó					
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
113	Dự án: Chỉnh trang cải tạo lắp đặt chiếu sáng tuyến đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ Tịch, xã Nghiêm Xuyên; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú – Hiền Giang, huyện Thường Tín	1	8434/QĐ-STC ngày 30/12/2021	44.690.413.346	144.091.550		116.491.346		27.600.204	27.600.204	UBND huyện Thường Tín
114	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Tiền Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	9064/QĐ-STC ngày 27/12/2018	9.376.933.000	88.550.000				88.550.000	88.550.000	UBND huyện Thường Tín
115	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Alexandre Yersin) tại phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	1	7122/QĐ-STC ngày 15/11/2024	152.134.957.051	9.283.929.178				9.283.929.178	9.283.929.178	UBND quận Long Biên
116	Cải tạo, nâng cấp hồ Lụa huyện Thạch Thất	1	6258/QĐ-STC ngày 30/9/2016	15.193.427.000	363.744.000				363.744.000	363.744.000	UBND huyện Thạch Thất
117	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 từ km 7+730 đến km11+552) huyện Thạch Thất	1	5362/QĐ-STC ngày 08/8/2018	115.429.829.893	403.126.493				403.126.493	403.126.493	UBND huyện Thạch Thất
118	Đường tỉnh 419 (80 cũ), đoạn qua thị trấn Liên Quan đoạn từ Km4+842 đến Km5+587,1 và đoạn từ Km6+874,3 đến Km7+730 huyện Thạch Thất	1	8185/QĐ-STC ngày 27/11/2018	47.765.361.191	545.514.691				545.514.691	545.514.691	UBND huyện Thạch Thất
119	Dự án Xây dựng, cải tạo Trường THPT Phú Xuyên B	1	6417/QĐ-STC ngày 31/10/2023	45.030.322.472	67.139.500				67.139.500	67.139.500	UBND huyện Phú Xuyên

Phụ lục 12

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024
NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	KHV	Nghị quyết *(Số, ngày, tháng)*	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	TỔNG SỐ	**13.263**		
1	Huyện Đan Phượng	377	155/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	
2	Huyện Thạch Thất	12.885	19/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	